



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo soát xét	6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2012	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	14 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).

Khái quát về Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 được thành lập trên cơ sở chuyển Công ty Nhà nước là Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 4 thành công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2007 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3703000280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19 tháng 5 năm 2008, thay đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 6 năm 2009 và thay đổi lần thứ 3 ngày 05 tháng 12 năm 2009, thay đổi lần thứ 4 ngày 19 tháng 8 năm 2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 7 năm 2011, thay đổi lần thứ 6 ngày 25 tháng 10 năm 2011 và thay đổi lần thứ 7 ngày 20 tháng 7 năm 2012.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 kế thừa toàn bộ các quyền lợi hợp pháp của Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 4 kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 như sau:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	31.280.250.000	51,23
Các cổ đông khác	29.779.170.000	48,77
Cộng	61.059.420.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TV4.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Kiểm định, giám định và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.
- Tư vấn thiết kế công trình nguồn điện, lưới điện, điện chiếu sáng, các dạng năng lượng mới và tái tạo.
- Thiết kế công trình thủy lợi.
- Lập quy hoạch phát triển điện lực vùng lãnh thổ, quy hoạch phát triển điện các tỉnh, thành phố, quận, huyện, lập quy hoạch phát triển các nguồn năng lượng mới và tái tạo.
- Khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, địa kỹ thuật.
- Khảo sát, đo đạc, quan trắc khí tượng, thủy văn công trình.
- Xử lý gia cố nền móng, bao gồm: đo vẽ bản đồ địa chất công trình, địa chất thủy văn, khoan đào thăm dò, địa vật lý, khảo sát vật liệu xây dựng, khoan phụt.
- Dịch vụ đo vẽ bản đồ địa hình, địa chính; quan trắc biến dạng công trình.
- Giám sát khảo sát công trình.
- Tư vấn lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán công trình, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu.
- Giám sát thi công xây dựng công trình nguồn điện, lưới điện, công trình công nghiệp, dân dụng và thủy lợi.
- Tư vấn thiết kế công trình đường bộ đến cấp 3, thiết kế kết cấu công trình dân dụng cấp 3 đến 6 tầng, công trình công nghiệp cấp 4, thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp đến cấp 3.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thí nghiệm phân tích nước; thí nghiệm cơ lý đất đá, nền móng công trình và vật liệu xây dựng; thí nghiệm kiểm định chất lượng công trình; thí nghiệm, phân tích đánh giá các chỉ tiêu về môi trường.
- Tư vấn thẩm tra báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán, hồ sơ mời thầu công trình xây dựng.
- Tư vấn về môi trường, khảo sát và lập báo cáo về bồi thường, tái định canh, định cư các dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng.
- Khảo sát điều tra, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Giám sát môi trường.
- Sản xuất, kinh doanh điện năng.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện.
- Mua bán thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm máy tính.
- Gia công chế tạo cấu kiện, vật liệu điện.
- Xây lắp điện.
- Kinh doanh khách sạn.
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : (058) 2220 405

Fax : (058) 2220 400

Website : www.pecc4.com.vn

Các đơn vị trực thuộc:

Đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh phía Bắc	Lô số 3 – TT4 ngõ 183 – Phố Hoàng Văn Thái – Phường Khương Trung – Quận Thanh Xuân – TP. Hà Nội
Chi nhánh phía Nam	Số 46/8 Đường Trần Quý Khoách – Phường Tân Định – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Do ảnh hưởng của chính sách tài khóa hạn chế đầu tư công và chính sách thắt chặt tín dụng kiểm chế lạm phát của Nhà nước, hàng loạt công trình điện gặp khó khăn trong việc thu xếp vốn làm ảnh hưởng đến nguồn doanh thu của Công ty.

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 37).

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 ngày 21 tháng 4 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu với tỷ lệ trả cổ tức 20% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận được 20 cổ phiếu mới). Ngày 04 tháng 7 năm 2012 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 đã có Công văn gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức, theo đó số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành thêm là 1.007.165 cổ phiếu, tương ứng 10.071.650.000 VND (từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối). Ngày 20 tháng 7 năm 2012 Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, đăng ký thay đổi lần thứ 7, theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 50.987.770.000 VND lên 61.059.420.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Sơn	Chủ tịch	10 tháng 7 năm 2007	-
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	26 tháng 4 năm 2011	-
Ông Nguyễn Phú Gia	Thành viên	21 tháng 4 năm 2012	-
Ông Trần Văn Thọ	Thành viên	10 tháng 7 năm 2007	-
Ông Văn Công Minh	Thành viên	26 tháng 4 năm 2008	21 tháng 4 năm 2012
Ông Lương Văn Đài	Thành viên	30 tháng 6 năm 2008	29 tháng 02 năm 2012
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	26 tháng 4 năm 2011	-
Ông Vũ Thành Danh	Thành viên	21 tháng 4 năm 2012	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Sơn	Tổng Giám đốc	16 tháng 8 năm 2007	-
Ông Trần Văn Thọ	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 8 năm 2007	-
Ông Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 8 năm 2007	-
Ông Vũ Thành Danh	Kế toán trưởng	16 tháng 8 năm 2007	-

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Minh Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2012

C.T.C.P.
H
ẤN
H
K

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		110.292.419.999	126.914.287.641
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.857.567.585	14.245.070.656
1. Tiền	111		1.339.678.696	3.228.826.211
2. Các khoản tương đương tiền	112		517.888.889	11.016.244.445
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		85.466.625.175	103.243.221.458
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	89.826.467.900	107.540.796.821
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	3.666.075.750	2.614.974.322
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	52.500.000	1.165.868.790
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(8.078.418.475)	(8.078.418.475)
IV. Hàng tồn kho	140		15.308.628.682	7.707.854.530
1. Hàng tồn kho	141	V.6	15.308.628.682	7.707.854.530
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.659.598.557	1.718.140.997
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	63.844.606
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	7.659.598.557	1.654.296.391

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.057.037.769	109.048.726.559
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.387.325.818	2.387.325.818
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.8	2.387.325.818	2.387.325.818
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		26.927.023.695	27.395.639.916
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	10.451.890.831	10.651.494.687
<i>Nguyên giá</i>	222		33.364.013.144	32.740.714.961
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(22.912.122.313)	(22.089.220.274)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16.475.132.864	16.744.145.229
<i>Nguyên giá</i>	228		18.751.253.961	18.751.253.961
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.276.121.097)	(2.007.108.732)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		77.166.430.000	78.166.430.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	74.616.430.000	74.616.430.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	2.550.000.000	3.550.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		576.258.256	1.099.330.825
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	486.258.256	1.009.330.825
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.14	90.000.000	90.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		217.349.457.768	235.963.014.200

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		124.309.003.400	146.073.392.704
I. Nợ ngắn hạn	310		62.747.440.194	84.447.178.498
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	2.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312	V.16	11.651.986.247	12.888.798.132
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	20.095.365.788	18.966.129.572
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	3.549.839.132	9.733.997.618
5. Phải trả người lao động	315	V.19	10.578.441.514	27.852.596.947
6. Chi phí phải trả	316	V.20	505.931.584	6.642.099.457
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	8.011.533.936	3.162.873.038
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	6.354.341.993	5.200.683.734
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		61.561.563.206	61.626.214.206
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	61.000.000.000	61.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	561.563.206	626.214.206
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		93.040.454.368	89.889.621.496
I. Vốn chủ sở hữu	410		93.040.454.368	89.889.621.496
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	50.987.770.000	50.987.770.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.25	(730.110.060)	(718.010.060)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	20.166.298.154	14.510.597.249
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	6.586.968.453	4.631.865.934
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.25	1.317.393.690	926.373.186
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	14.712.134.131	19.551.025.187
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		217.349.457.768	235.963.014.200

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

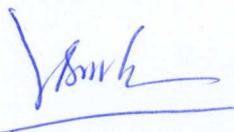
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

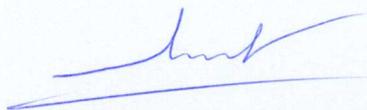
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		34.336,11	16.363,55
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 8 năm 2012



Trần Lê Thanh Bình
Người lập biểu



Vũ Thành Danh
Kế toán trưởng



Phạm Minh Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

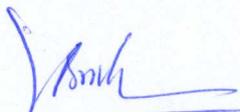
(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	42.615.418.297	69.523.820.827
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	42.615.418.297	69.523.820.827
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	22.916.799.795	42.445.375.158
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.698.618.502	27.078.445.669
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	394.932.767	660.357.797
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.759.979.198	4.705.248.713
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.757.946.562	4.701.425.000
8. Chi phí bán hàng	24		4.000.000	40.363.636
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	7.772.096.339	9.655.261.723
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.557.475.732	13.337.929.394
11. Thu nhập khác	31		5.057.073	169.919.546
12. Chi phí khác	32		114.925.444	-
13. Lợi nhuận khác	40		(109.868.371)	169.919.546
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.447.607.361	13.507.848.940
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	2.807.123.230	4.363.663.624
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>4.640.484.131</u>	<u>9.144.185.316</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	<u>921</u>	<u>2.175</u>

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 8 năm 2012


Trần Lê Thanh Bình
Người lập biểu

Vũ Thành Danh
Kế toán trưởngPhạm Minh Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.447.607.361	13.507.848.940
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, 10	1.091.914.404	1.139.698.498
- Các khoản dự phòng	03		-	(290.920.500)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		2.032.636	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(366.181.884)	(608.883.362)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4.757.946.562	4.701.425.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.933.319.079	18.449.168.576
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.796.452.117	4.155.951.609
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.600.774.152)	(4.331.298.332)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(26.974.612.594)	(13.856.120.003)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		586.917.175	42.268.657
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.21, VI.4	(140.391.006)	(1.151.016.667)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(5.235.804.511)	(2.894.876.189)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		18.818.450	7.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(367.869.450)	(113.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(14.983.944.892)	307.277.651
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(755.607.427)	(2.199.029.185)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.12	1.000.000.000	1.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	366.181.884	845.716.696
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		610.574.457	(1.353.312.489)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.25	(12.100.000)	(28.580.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15	19.500.000.000	10.450.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15	(17.500.000.000)	(10.450.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.987.900.000	(28.580.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(12.385.470.435)	(1.074.614.838)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	14.245.070.656	2.806.240.274
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.032.636)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.857.567.585	1.731.625.436

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 8 năm 2012

Trần Lê Thanh Bình
Người lập biểu

Vũ Thành Danh
Kế toán trưởng



Phạm Minh Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ tư vấn.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Tư vấn, khảo sát, thiết kế điện.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 Công ty có 544 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 560 nhân viên).
5. **Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**
Do ảnh hưởng của chính sách tài khóa hạn chế đầu tư công và chính sách thắt chặt tín dụng kiểm chế lạm phát của Nhà nước, hàng loạt công trình điện gặp khó khăn trong việc thu xếp vốn làm ảnh hưởng đến nguồn doanh thu của Công ty.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác, dự phòng công nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 06
Phương tiện vận chuyển	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất lâu dài nhận bàn giao từ Công ty Nhà Nước được xác định theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Giá trị lợi thế doanh nghiệp

Giá trị lợi thế doanh nghiệp được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005. Giá trị lợi thế doanh nghiệp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

120
CHI
NG
TOÁ
NH
CHÁI
9M6

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Nguồn vốn chủ sở hữu – quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
30/06/2012 : 20.828 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.

20.
NH
TN
TU
AN
IÒA
KH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)



Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phải sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.5

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	356.506.969	390.915.000
Tiền gửi ngân hàng	983.171.727	2.837.911.211
Các khoản tương đương tiền	517.888.889	11.016.244.445
Cộng	<u>1.857.567.585</u>	<u>14.245.070.656</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thủy Điện Nho Quế 1	6.037.929.873	6.037.929.873
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát Triển Điện Miền Bắc 1	5.919.992.822	5.919.992.822
Ban QLDA Các Công Trình Điện Miền Trung	5.663.235.754	7.435.785.107
Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Nam	5.509.545.455	5.509.545.455
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai	5.318.864.000	5.318.864.000
Các khách hàng khác	61.376.899.996	77.318.679.564
Cộng	<u>89.826.467.900</u>	<u>107.540.796.821</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Năng lượng - Hà Nội	400.000.000	400.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Lê Nguyên	397.101.100	397.101.100
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Bạch Đằng	347.500.000	123.750.000
Công ty Cổ phần Vật liệu CAVICO Hạ tầng	344.673.082	344.673.082
Các nhà cung cấp khác	2.176.801.568	1.349.450.140
Cộng	<u>3.666.075.750</u>	<u>2.614.974.322</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân của CBCNV	-	1.001.300.790
Các đối tượng khác	52.500.000	164.568.000
Cộng	<u>52.500.000</u>	<u>1.165.868.790</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	8.078.418.475	9.442.347.246
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(290.920.500)
Số cuối kỳ	<u>8.078.418.475</u>	<u>9.151.426.746</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	625.878.945	571.391.475
Công cụ, dụng cụ tồn kho	31.908.396	51.420.727
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.650.841.341	7.085.042.328
Cộng	<u>15.308.628.682</u>	<u>7.707.854.530</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	7.634.440.557	1.654.296.391
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	25.158.000	-
Cộng	7.659.598.557	1.654.296.391

8. Phải thu dài hạn của khách hàng

Tiền bảo hành công trình còn phải thu khách hàng:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ban quản lý dự án Thủy điện 1	184.144.863	184.144.863
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Nho Quế	1.532.762.821	1.532.762.821
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	506.106.834	506.106.834
Các khách hàng khác	164.311.300	164.311.300
Cộng	2.387.325.818	2.387.325.818

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	10.220.663.467	9.187.172.451	10.716.361.219	2.616.517.824	32.740.714.961
Đầu tư mới	-	-	486.200.000	137.098.183	623.298.183
Số cuối kỳ	10.220.663.467	9.187.172.451	11.202.561.219	2.753.616.007	33.364.013.144

Trong đó:

Đã khấu hao hết
nhưng vẫn còn sử
dụng

	406.322.380	7.705.815.708	9.012.885.981	1.373.288.539	18.498.312.608
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.304.409.816	8.229.419.762	9.725.263.789	1.830.126.907	22.089.220.274
Khấu hao trong kỳ	271.427.442	155.634.127	211.991.044	183.849.426	822.902.039
Số cuối kỳ	2.575.837.258	8.385.053.889	9.937.254.833	2.013.976.333	22.912.122.313

Giá trị còn lại

Số đầu năm	7.916.253.651	957.752.689	991.097.430	786.390.917	10.651.494.687
Số cuối kỳ	7.644.826.209	802.118.562	1.265.306.386	739.639.674	10.451.890.831

Trong đó:

Tạm thời chưa sử
dụng

	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	7.093.957.000	9.463.506.000	2.193.790.961	18.751.253.961
Số cuối kỳ	7.093.957.000	9.463.506.000	2.193.790.961	18.751.253.961

120
CHI
NG
TOÁ
NH
KHÁ
196

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất không thời hạn</u>	<u>Quyền sử dụng đất có thời hạn</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	957.636.487	957.636.487
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	678.901.305	1.328.207.427	2.007.108.732
Khấu hao trong kỳ	-	99.752.400	169.259.965	269.012.365
Số cuối kỳ	-	778.653.705	1.497.467.392	2.276.121.097
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	7.093.957.000	8.784.604.695	865.583.534	16.744.145.229
Số cuối kỳ	7.093.957.000	8.684.852.295	696.323.569	16.475.132.864

11. Đầu tư vào Công ty liên kết

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000884487 ngày 20 tháng 05 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp cho Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn 103.850.000.000 VND, tương đương 31% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 74.616.430.000 VND, tương đương 7.461.643 cổ phiếu chiếm 22,27% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn là 29.233.570.000 VND.

12. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	105.000	1.050.000.000	105.000	1.050.000.000
- Công ty Cổ phần Bất động sản EVN Land Nha Trang	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn		-		1.000.000.000
Cộng		2.550.000.000		3.550.000.000

13. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.009.330.825	1.001.525.864
Phát sinh tăng trong kỳ	64.288.028	556.959.091
Phân bổ vào chi phí hoạt động trong kỳ	(587.360.597)	(591.234.488)
Số cuối kỳ	486.258.256	967.250.467

00:
NHÀ
TY
V VÀ
ATR
V H H
P-T

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đặt cọc tiền thuê nhà (Chi nhánh phía Nam)	75.000.000	75.000.000
Đặt cọc cài đặt điện thoại	5.000.000	5.000.000
Ký quỹ làm thẻ taxi MCC Mai Linh	10.000.000	10.000.000
Cộng	<u>90.000.000</u>	<u>90.000.000</u>

15. Vay ngắn hạn

Số dư nợ vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để thanh toán chi phí phục vụ đi công tác khảo sát, thiết kế công trình thời hạn 1 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	-	53.000.000.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	19.500.000.000	10.450.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(17.500.000.000)	(10.450.000.000)
Số cuối kỳ	<u>2.000.000.000</u>	<u>53.000.000.000</u>

16. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	3.978.241.937	3.000.000.000
Viện Năng lượng	1.525.643.198	2.025.643.198
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	983.545.000	983.545.000
Xí nghiệp Đo đạc Bản đồ Nông nghiệp 1 - Hòa Bình	733.998.010	733.998.010
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Điện 3 - Đà Nẵng	633.553.901	633.553.901
Các nhà cung cấp khác	3.797.004.201	5.512.058.023
Cộng	<u>11.651.986.247</u>	<u>12.888.798.132</u>

17. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban Quản lý dự án các Công trình Điện Miền Trung	7.316.714.030	4.601.456.405
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	2.078.537.000	2.078.537.000
Ban Quản lý dự án Lưới điện TP HCM	1.981.667.853	2.517.929.300
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	1.791.844.094	2.997.175.725
Các khách hàng khác	6.926.602.811	6.771.031.142
Cộng	<u>20.095.365.788</u>	<u>18.966.129.572</u>

02
NH
TNH
TUY
ANG
ÒA
HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.572.997.941	2.387.952.796	(5.075.834.551)	1.885.116.186
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.062.658.227	2.807.123.230	(5.235.804.511)	1.633.976.946
Thuế thu nhập cá nhân	1.098.341.450	958.065.811	(2.025.661.261)	30.746.000
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	5.921.000	(5.921.000)	-
Các loại thuế khác	-	308.432.016	(308.432.016)	-
<i>Thuế Môn bài</i>	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<i>Thuế Nhà thầu</i>	-	305.432.016	(305.432.016)	-
Cộng	9.733.997.618	6.467.494.853	(12.651.653.339)	3.549.839.132

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng của dịch vụ tư vấn thiết kế, khảo sát là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.16.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.447.607.361	13.507.848.940
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	3.780.885.559	3.946.805.556
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.780.885.559	3.946.805.556
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	11.228.492.920	17.454.654.496
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.807.123.230	4.363.663.624

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Phải trả người lao động

Quỹ lương trong năm được xác định theo theo Quyết định số 02/TVDD4-HĐQT ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Hội đồng Quản trị Công ty. Đơn giá tiền lương đối với doanh thu ghi nhận trong kỳ như sau:

- Hoạt động khảo sát tự làm: 530 VND/1.000 đồng doanh thu
- Hoạt động thiết kế tự làm: 510 VND/1.000 đồng doanh thu

Số dư tại ngày cuối kỳ là quỹ lương chưa chi hết cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)



20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thưởng "Sáng kiến cải tiến - hợp lý hóa sản xuất"	-	222.200.000
Chi phí khảo sát thiết kế các công trình	505.931.584	6.419.899.457
Cộng	<u>505.931.584</u>	<u>6.642.099.457</u>

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	2.300.854.642	2.273.982.494
Bảo hiểm xã hội	860.540.780	335.271.190
Doanh thu nhận trước (lãi tiền gửi nhận trước)	-	236.833.334
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Chi phí lãi vay)	946.000.000	68.444.444
Tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn		
Đôn nhận của các cổ đông khác	108.298.000	154.470.000
Lãi trái phiếu	3.740.000.000	-
Các khoản khác	55.840.514	93.871.576
Cộng	<u>8.011.533.936</u>	<u>3.162.873.038</u>

22. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Thưởng từ Tập đoàn Điện lực</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	3.295.551.652	586.530.756	10.000.000	(162.200.000)	3.729.882.408
Quỹ phúc lợi	1.899.381.082	391.020.503	-	(171.693.000)	2.118.708.585
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	5.751.000	500.000.000	-	-	505.751.000
Cộng	<u>5.200.683.734</u>	<u>1.477.551.259</u>	<u>10.000.000</u>	<u>(333.893.000)</u>	<u>6.354.341.993</u>

23. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam ^(a)	10.000.000.000	10.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi ^(b)	51.000.000.000	51.000.000.000
Cộng	<u>61.000.000.000</u>	<u>61.000.000.000</u>

(a) Khoản vay dài hạn Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) theo hợp đồng cho vay lại số 01/2008/EVN/TCKT-CPXDDDD4 ngày 15/02/2008 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHDD01-2008/EVN – TVDD4 ngày 31/12/2011, số tiền 10.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay 9 năm, lãi suất tính bằng tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân tham chiếu của 4 ngân hàng thương mại Quốc doanh cộng biên 3%. Trả nợ gốc từ năm 2014 và kết thúc vào năm 2016.

(b) Trái phiếu chuyển đổi được phát hành nhằm mục đích góp vốn đầu tư dự án Thủy điện Sprêpôk 4A – Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Mệnh giá	:	100.000 đồng/trái phiếu
Thời hạn	:	2 năm kể từ ngày phát hành 24/11/2011
Lãi suất	:	12%/năm
Quyền chuyển đổi	:	Bắt buộc chuyển đổi 50% vào ngày tròn năm thứ nhất kể từ ngày phát hành và 50% còn lại vào ngày tròn năm thứ hai.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 161/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 6 năm 2012 về việc Điều chỉnh giá chuyển đổi của trái phiếu chuyển đổi theo điều khoản chống pha loãng do Công ty trả cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20% nên giá chuyển đổi trái phiếu được điều chỉnh giảm tương ứng từ 10.000 đồng/cổ phiếu xuống còn 8.400 đồng/cổ phiếu.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Trái phiếu chuyển đổi	51.000.000.000	25.500.000.000	25.500.000.000	-
Cộng	61.000.000.000	25.500.000.000	35.500.000.000	-

24. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	626.214.206	596.548.653
Chi trợ cấp thôi việc cho công nhân viên trong kỳ	(64.651.000)	(52.473.000)
Số cuối kỳ	561.563.206	544.075.653

25. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu :

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	26.066.880.000	51,12	26.066.880.000	51,12
Các cổ đông khác	24.920.890.000	48,88	24.920.890.000	48,88
Cộng	50.987.770.000	100,00	50.987.770.000	100,00

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.098.777	5.098.777
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.098.777	5.098.777
- Cổ phiếu phổ thông	5.098.777	5.098.777
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	62.949	61.739
- Cổ phiếu phổ thông	62.949	61.739

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.035.828	5.037.038
- Cổ phiếu phổ thông	5.035.828	5.037.038
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND/cổ phiếu.

Mục đích trích lập các quỹ

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

Quỹ khác của chủ sở hữu (Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ) được dùng để bổ sung vốn điều lệ.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa và dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khảo sát	13.892.908.534	30.326.315.084
Doanh thu hoạt động thiết kế	28.722.509.763	39.197.505.743
Cộng	<u>42.615.418.297</u>	<u>69.523.820.827</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động khảo sát	7.196.726.008	19.579.679.182
Giá vốn hoạt động thiết kế	15.720.073.787	22.865.695.976
Cộng	<u>22.916.799.795</u>	<u>42.445.375.158</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi bán ngoại tệ	13.200.000	4.707.574
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	366.181.884	608.883.362
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	15.550.883	46.766.861
Cộng	<u>394.932.767</u>	<u>660.357.797</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ bán ngoại tệ	-	3.823.713
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.032.636	-
Lãi vay ngắn hạn của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực để góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	-	3.946.805.556
Lãi vay dài hạn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam	877.555.556	730.033.333
Lãi trái phiếu	3.740.000.000	-
Lãi vay ngắn hạn khác	140.391.006	24.586.111
Cộng	4.759.979.198	4.705.248.713

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.893.261.057	5.156.385.953
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	125.353.658	280.372.175
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.200.736	68.403.583
Chi phí dịch vụ mua ngoài	336.970.445	252.300.895
Chi phí khác	3.349.310.443	3.897.799.117
Cộng	7.772.096.339	9.655.261.723

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.640.484.131	9.144.185.316
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.640.484.131	9.144.185.316
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.036.160	4.204.774
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	921	2.175

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.037.038	4.206.746
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong kỳ	(878)	(1.972)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.036.160	4.204.774

712
CHI
ÔNG
ATO
AI NI
-KH/
PAN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.903.332.632	2.455.517.054
Chi phí nhân công	24.332.881.639	34.375.906.353
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.091.914.404	1.139.698.498
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.715.175.987	10.516.915.768
Chi phí khác	8.215.390.485	7.955.441.406
Cộng	38.258.695.147	56.443.479.079

VII. MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.6 đến VII.10 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán.

Năm 2011, Công ty đã phát hành 51.000.000.000 VND trái phiếu chuyển đổi cho cổ đông hiện hữu với phương án như đã nêu tại Thuyết minh V.23. Do chưa có hướng dẫn cụ thể về hạch toán kế toán nên Công ty vẫn ghi nhận giá trị trái phiếu như nợ phải trả tài chính thông thường mà không tách riêng phần nợ phải trả và phần vốn chủ sở hữu.

2. Các khoản cam kết

- Theo Quyết định 507/QĐ-TVĐ4 ngày 26 tháng 11 năm 2010, Hội đồng quản trị đã quyết định ngừng không tiếp tục tham gia góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN – Land Nha Trang. Số đã góp là 1,5 tỉ VND.
- Công ty nhận ủy quyền của các cổ đông khác của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (là người lao động của Công ty) trong việc góp vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn. Trong kỳ, Công ty đã chuyển góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn số tiền là 983.102.000 VND. Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, số tiền đã nhận của các cổ đông còn lại là 108.298.000 VND (xem thuyết minh số V.21).
- Theo Nghị quyết số 1938/NQ-HĐQT ngày 20/12/2011 của Hội đồng quản trị về việc “*thông qua cam kết hỗ trợ vay vốn Dự án Thủy điện Srêpôk 4A của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn*”, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 thông qua cam kết hỗ trợ vay vốn Dự án Thủy điện Srêpôk 4A của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- + Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 sẽ không chuyển nhượng các cổ phần của Công ty nếu chưa được sự đồng ý trước của Bên cho vay kể từ ngày cam kết chứng nhận này cho tới khi toàn bộ số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng được hoàn trả hết;
- + Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 sẽ cùng với các cổ đông liên quan tới EVN và các cổ đông cá nhân góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn theo hình thức góp vốn hoặc các khoản vay bổ sung, để đảm bảo sự thiếu hụt về tiền mặt có thể xảy ra trong tương lai của quá trình vay vốn, nhằm đảm bảo khả năng trả nợ của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 ngày 21 tháng 4 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu với tỷ lệ trả cổ tức 20% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận được 20 cổ phiếu mới). Ngày 04 tháng 7 năm 2012 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 đã có Công văn gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức, theo đó số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành thêm là 1.007.165 cổ phiếu, tương ứng 10.071.650.000 VND (từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối). Ngày 20 tháng 7 năm 2012 Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, đăng ký thay đổi lần thứ 7, theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 50.987.770.000 VND lên 61.059.420.000 VND.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ khảo sát, thiết kế cho các doanh nghiệp tại Việt Nam.

5. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

Các giao dịch giữa Công ty với các Thành viên quản lý chủ chốt bao gồm:

Thành viên chủ chốt	Nội dung giao dịch
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2012, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2012 là 216.000.000 VND/năm. Trong 6 tháng đầu năm 2012 Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát đã nhận thù lao là 159.350.000 VND (6 tháng đầu năm 2011 là 256.000.000 VND)
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Thu nhập từ tiền lương và các phụ cấp theo quy chế lương của Công ty. Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong 6 tháng đầu năm 2012 là 895.001.000 VND (6 tháng đầu năm 2011 là 1.000.867.000 VND)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (gọi tắt là EVN)	Cổ đông sở hữu 51,12% cổ phần (xem thuyết minh V.25)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Công ty con của EVN
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	Công ty con của EVN
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Công ty con của EVN
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Công ty đăng ký sở hữu 31% vốn điều lệ. Ông Phạm Minh Sơn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ giữa Công ty và các bên liên quan khác trong kỳ như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)		
Chi phí lãi vay phải trả (xem thuyết minh số VI.4)	877.555.556	730.033.333
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
phí khảo sát dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận (giá chưa bao gồm thuế GTGT 10%)	2.400.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn		
Cung cấp dịch vụ khảo sát, thiết kế (giá chưa bao gồm thuế GTGT 10%)	893.729.000	3.109.172.000

Tại ngày cuối kỳ, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	633.746.534	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	141.066.154	141.066.154
Cộng nợ phải thu	774.812.688	141.066.154
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	10.946.000.000	10.068.444.444
<i>Phải trả nợ gốc vay (xem thuyết minh số V.23)</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
<i>Phải trả lãi vay (xem thuyết minh số V.21)</i>	<i>946.000.000</i>	<i>68.444.444</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (xem thuyết minh số V.16)	3.978.241.937	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (xem thuyết minh số V.16)	983.545.000	983.545.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (xem thuyết minh số V.17)	2.078.537.000	2.078.537.000
Cộng nợ phải trả	17.986.323.937	16.130.526.444

HH
VẤN
G
NH

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)



6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.857.567.585	14.245.070.656	1.857.567.585	14.245.070.656
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Phải thu khách hàng	84.135.375.243	101.849.704.164	84.135.375.243	101.849.704.164
Các khoản phải thu khác	7.802.098.557	2.910.165.181	7.802.098.557	2.910.165.181
Cộng	93.795.041.385	120.004.940.001	93.795.041.385	120.004.940.001
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	63.000.000.000	61.000.000.000	63.000.000.000	61.000.000.000
Phải trả người bán	11.651.986.247	12.888.798.132	11.651.986.247	12.888.798.132
Các khoản phải trả khác	19.657.470.240	38.283.783.648	19.657.470.240	38.283.783.648
Cộng	94.309.456.487	112.172.581.780	94.309.456.487	112.172.581.780

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có thời hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

7. Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác và cũng không thế chấp tài sản nào cho đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

8. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)



hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

9. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	27.500.000.000	35.500.000.000	-	63.000.000.000
Phải trả người bán	11.651.986.247	-	-	11.651.986.247
Các khoản phải trả khác	19.095.907.034	561.563.206	-	19.657.470.240
Cộng	57.686.330.075	36.061.563.206	-	94.309.456.487
Số đầu năm				
Vay và nợ	25.500.000.000	35.500.000.000	-	61.000.000.000
Phải trả người bán	12.888.798.132	-	-	12.888.798.132
Các khoản phải trả khác	37.657.569.442	626.214.206	-	38.283.783.648
Cộng	76.046.367.574	36.126.214.206	-	112.172.581.780

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

10. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

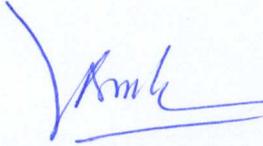
Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Khánh Hòa ngày 01 tháng 8 năm 2012



Trần Lê Thanh Bình
Người lập



Vũ Thành Danh
Kế toán trưởng



Phạm Minh Sơn
Tổng Giám đốc

002
KHÁNH
TY T
V VÀ T
TRA
H HỒ
T. K

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	42.580.000.000	(613.160.060)	-	8.348.357.892	2.825.014.566	565.002.912	18.068.513.683	71.773.728.993
Phát hành cổ phiếu thương mại từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2010	8.407.770.000	-	-	-	-	-	(8.407.776.000)	(6.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ trong năm trước	-	(104.850.000)	-	-	-	-	-	(104.850.000)
Trích lập các quỹ trong kỳ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	6.162.239.357	1.806.851.368	361.370.274	(9.660.737.683)	(1.330.276.684)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	19.551.025.187	19.551.025.187
Số dư cuối năm trước	50.987.770.000	(718.010.060)	-	14.510.597.249	4.631.865.934	926.373.186	19.551.025.187	89.889.621.496
Số dư đầu năm nay	50.987.770.000	(718.010.060)	-	14.510.597.249	4.631.865.934	926.373.186	19.551.025.187	89.889.621.496
Mua lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	(12.100.000)	-	-	-	-	-	(12.100.000)
Trích lập các quỹ trong kỳ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	5.655.700.905	1.955.102.519	391.020.504	(9.479.375.187)	(1.477.551.259)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	4.640.484.131	4.640.484.131
Số dư cuối kỳ	50.987.770.000	(730.110.060)	-	20.166.298.154	6.586.968.453	1.317.393.690	14.712.134.131	93.040.454.368

Đơn vị tính: VND

